

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2020

“Về việc ly hôn và yêu cầu nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lâm Tấn Đạt**

2- Bà **Phạm Thị Lan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Hoàng**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 169/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh N**, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 nguyên đơn chị Trần Thị Thanh N trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn P tự nguyện đi đến hôn nhân do quen biết và tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang ngày 07/8/2013. Thời gian chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 thì

vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không chịu lo làm ăn mà tham gia vào các tệ nạn cờ bạc, mê game. Chị đã khuyên anh P nhiều lần nhưng anh P vẫn chứng nào tật nấy nên từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau vào năm 2014, mạnh ai nấy sinh sống không quan tâm đến nhau. Vào năm 2016 khi cha ruột chị mất được khoảng 1 tháng thì anh P chồng chị có về thăm con và chị được 01 lần rồi bỏ đi cho đến nay. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa nên yêu cầu được xin ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 19/02/2014. Hiện đang sống cùng với chị tại ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn P, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vẫn vắng mặt, không có lý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Thanh N vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và anh Trần Văn P vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

- Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho chị Trần Thị Thanh N được ly hôn.

Về con chung: Giao con tên Trần Gia T, sinh ngày 19/02/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét

Về tài sản và phần nợ chung: Chị N trình bày là không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Trần Văn P được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Trần văn P.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh N và anh Trần Văn P chung sống với từ năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/8/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, theo chị N trình bày thì trong thời gian vợ chồng chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn với nhau do anh P không chăm lo làm ăn mà tham gia vào tệ nạn cờ bạc không chăm lo cho gia đình, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh P không thay đổi từ đó vợ chồng ly thân với nhau, chỉ có vào năm 2016 khi cha chị N mất thì anh P có về thăm chị N và con được 01 lần cho đến nay, không quan tâm gì đến chị và con.

Qua xác minh, biết được khi vợ chồng chung sống với nhau thì chị N, anh P sinh sống bên gia đình của chị N ở ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang và từ khi ly thân với chị N đến nay anh P đi làm thuê, ít có về nhà cha mẹ, hàng năm có về nhà ở ấp Hòa Vàm A, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng một hoặc hai lần nhưng từ năm 2016 cho đến nay bản thân anh P không đến thăm nom vợ mình thể hiện sự quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Tại phiên tòa hôm nay thì chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh P.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho chị N và anh P ly hôn với nhau là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có 01 đứa con tên Trần Gia T, sinh ngày 19/02/2014 theo bản sao Giấy khai sinh do chị N cung cấp. Hiện con đang sống cùng với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi vợ chồng chị N và anh P ly thân với nhau thì cháu Trần Gia T, sinh ngày 19/02/2014 trực tiếp chung sống cùng với chị N, hiện nay cháu còn nhỏ chưa đủ 7 tuổi. Vì vậy, HĐXX nhận thấy để đảm bảo không làm thay đổi hoàn cảnh sống, sinh hoạt của cháu T nghĩ nên cần tiếp tục giao cháu Trần Gia T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị N không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị N trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, HĐXX ghi nhận ý kiến trình bày của chị N mà không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0003131, ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Trần Thị Thanh N đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thanh N và anh Trần Văn P được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao con tên Trần Gia T, sinh ngày 19/02/2014 cho chị Trần Thị Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản, nhưng không được lợi dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của chị N.

3. Về tài sản và nợ chung: HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm vụ án: Buộc chị Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0003131, ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Trần Thị Thanh N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị N báo cho chị Trần Thị Thanh N biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/5/2020). Đối với anh Trần Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã Đ, huyện A ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh